TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀNG MAI** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 27 -3 - 2023.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hướng và bà Nguyễn Thị Phương

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai tỉnh ghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân thị xã Hoàng Mai tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Đào Giang Lệ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án thị xã Hoàng Mai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991.

Nơi thường trú: Khối Đ, phường QD, thị HM, tỉnh Nghệ An

Chỗ ở hiện nay: Xóm X, xã NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 09/3/2023

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991. Có mặt.

Địa chỉ: Khối Đ, Phường QD, thị xã HM, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị N khai:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn C đăng ký kết hôn vào ngày 18/11/2020, tại UBND phường QD, thị xã HM, tỉnh nghệ An. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đến tháng 11/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay xảy ra cãi vả, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên nội ngoại hòa giải, khU bàn nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 1/2022 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị N xin ly hôn anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Hồng Tú U, sinh ngày 13/12/2021. Hiện con chung đang ở với chị Nguyễn Thị N. Ly hôn chị

N xin được giao quyền nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hồng Tú U và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn C khai:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C thống nhất về quá trình kết hôn như chị N trình bày ở trên là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng về quan điểm, lối sống, chị N thường xuyên giận dỗi vì những chuyện nhỏ nhặt, không quan tâm đến anh. Mâu thuẫn vợ chồng đã hơn 1 năm nay, được hai bên gia đình hòa giải, khuyên bàn cho vợ chồng hòa thuận nhưng không thành. Nay chị N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết hôn thì anh C không đồng ý ly hôn vì anh C còn yêu thương chị N và mong muốn gia đình đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Hồng Tú U, sinh ngày 13/12/2021. Ly hôn anh C thống nhất giao con chung Nguyễn Hồng Tú U cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì anh C cũng nhất trí.

Về quan hệ tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung của vợ chồng.

- Tòa án xác minh về tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn C: Ngguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của chị N và anh C là do chị N và anh C tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị N và anh C đã sống ly thân khoảng một năm nay. Chị N và anh C đã được gia đình hai bên hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

NgU đơn, bị đơn chấp hành đầu đủ các quy định của BLTTDS.

-Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, điểm a, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS. Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn N và gia đình. Điều 147 BLTTDS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí tòa án.

Đề nghị HĐXX xử:

1. Về hôn N: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn C .

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hồng Tú U cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh C không cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N chưa yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Nguyễn Văn C có nơi cư trú tại khối Đ, phường QD, thị xã HM, tỉnh Nghệ An, căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N

dân thị xã Hoàng Mai tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn C có mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau vào ngày 18/11/2020, có đăng ký tại UBND phường Quỳnh Dị, thị xã Hoàng Mai, tỉnh nghệ An. Đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn C đều thừa nhận nguyên nhân chị N và anh C xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do chị N và anh C tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Mặc dù được gia đình hai bên hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh C không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Chị N và anh C đã sống ly thân từ tháng 1/2022 cho đế nay. Chị N và anh C đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không thể quay về chung sống với nhau. Tuy anh C mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị N đã không còn tình cảm vợ chồng với anh C, cuộc sống vợ chồng của chị N và anh C không thể tiếp tục. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

[3]. Về con chung: Chị N và anh C có một con chung là chung Nguyễn Hồng Tú U, sinh ngày 13/12/2021. Hiện nay con chung đang ở với chị N. Xét việc thỏa thuận giao quyền nuôi con chung cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đã đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là Nguyễn Hồng Tú U cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu và anh C không cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ. Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hồng Tú U cho chị Nguyễn Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu và anh Nguyễn Văn C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại chị cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai theo biên lai số 0003665 ngày 26/12/2022.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ. Bị đơn anh Nguyễn Văn C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Hoàng Mai;
- Chi cục THADS thị xã Hoàng Mai;
- Lưu HS;
- UBND phường Quỳnh Dị.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hồng Lĩnh